TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HN-ST
Ngày: 05/07/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh.
Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Nguyễn Tống Nê
2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST- HN ngày 04 tháng 04 năm 2023 về việc *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:50/2023/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Nơi ở hiện tại: ấp P, xã M, thành phố N, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
(Tại phiên tòa chị H, anh B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh B tự nguyên chung sống và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B vào năm 2000. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không có trách nhiệm với vợ con, đi làm không đưa tiền chị phụ nuôi con mà dấu riêng. Ngoài ra anh B còn ghen vô cớ. Năm 2015 khi có người đàn ông thân mật chị trên bàn nhậu anh nghi ngờ đánh chị. Thời gian trước khi nộp đơn ly hôn một tháng anh B còn đánh chị vì cho rằng chị có mối quan hệ với người đàn ông khác, chị có giải thích cũng không

tin. Chị đã dọn về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh B hơn 03 tháng, chị không còn tình cảm với anh B, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B. Tại phiên tòa chị kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho chị.

Về con chung: chị và anh B có hai con chung đã trưởng thành tên Nguyễn Thái A sinh ngày 30/01/2001 và Nguyễn Việt T sinh ngày 25/02/2005, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh B không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Cách đây mấy tháng anh phát hiện vợ anh có đi với một người đàn ông khác, nên anh tức giận có đánh chị B 02 bạt tay. Anh buồn đi uống rượu về cũng có xúc phạm chị H. Còn việc tiền không đưa chị H là do anh đi làm không có dư nên không phụ tiền với chị H. Anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ. Anh yêu cầu Tòa án, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, vợ chồng sống ly thân một thời gian để cho chị H suy nghĩ lại.

Trường hợp nếu Tòa buộc ly hôn anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho anh.

Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Thái A sinh 30/01/2001và Nguyễn Việt T sinh ngày 25/02/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự , Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B. Con chung: đã trưởng thành, Tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B sống chung vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre hôn

nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H yêu cầu giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh B không có trách nhiệm với vợ con, thường hay ghen tuông vô cớ, đánh chị và có những lời nói xúc phạm, đay nghiến chị, không tôn trọng chị, nên chị không thể tiếp tục chung sống, chị đã sống ly thân với anh B hơn ba tháng. Anh B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, anh thừa nhận có đánh chị và có những lời lẽ xúc phạm chị H, vì chị H đã nói dối anh đi với người đàn ông khác. Anh còn thương vợ anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy: chị H và anh B đều thừa nhận cả hai đã sống ly thân nhau đã 03 tháng.Trong thời gian sống ly thân chị H và anh B phải cùng nhau bàn bạc, tìm ra cách thức hóa giải những mâu thuẫn của đôi bên để hàn gắn tình cảm, nhưng anh chị vẫn không làm được. Tại phiên tòa, chị H kiên quyết ly hôn, anh B không đưa ra được phương cách hàn gắn tình cảm để chị B quay trở về nhà chung sống. Do đó có cơ sở khẳng định, hôn nhân của chị H và anh B không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt cho cả hai.

[4]Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: chị H và anh B thống nhất khai có hai con chung tên Nguyễn Việt T sinh 25/02/2005 và Nguyễn Thái A sinh 30/01/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Ghi nhận chị H và anh B không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: chị H và anh B thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[8] Về nợ chung: chị H và anh B thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do chị H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Thanh B.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: chị H và anh B thống nhất khai có hai con chung tên Nguyễn Việt T sinh 25/02/2005 và Nguyễn Thái A sinh 30/01/2001đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: chị H và anh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: chị H và anh B thống nhất khai không có không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do chị Nguyễn Thị H phải nộp, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003609 ngày 03/04/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh